TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2025
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Vân A** - sinh ngày 28/02/1993 (có mặt)

CCCD: 017193010672

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đồng Bụt, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội

(cũ là Thôn Đồng Bụt, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội)

***Bị đơn*: Anh **Đoàn Minh T** – sinh ngày 29/01/1990 (vắng mặt)

CCCD: 001090060274

Nơi ĐKHKTT: Thôn Thanh Bồ, xã Hoà Xá, thành phố Hà Nội

(cũ là thôn Thanh Bồ, xã Bình Lưu Quang, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa chị Nguyễn Thị Vân A là nguyên đơn trình bày: chị và anh Đoàn Minh T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện

Ứ, thành phố Hà Nội năm 2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; cái tôi của mỗi người quá lớn nên không thể hòa hợp được với nhau; vợ chồng liên tục xích mích nhau cãi nhau thường xuyên. Bản thân anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời tu tập với những người bạn xấu; không đỡ đần công việc phụ giúp gia đình. Chị và bố mẹ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Đôi khi chị khuyên bảo thì anh chửi đánh chị. Do không thể chung sống thêm được nữa nên chị đã đưa con về quê ngoại sống ly thân 04 năm nay. Trong thời gian ly thân thì anh T thỉnh thoảng thăm gặp vợ con nhưng không có trách nhiệm kinh tế cho chị nuôi con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh T. Về con chung: có 01 con là Đoàn Thị Khánh L – sinh ngày 19/7/2014. Hiện cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Toà giải quyết để chị nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; vì hiện tại chị và con đang ở với bố mẹ chị, chị mở quán làm Spa mức thu nhập 7.000.000 đồng/tháng; anh T làm lao động tự do chị cũng không biết thu nhập cụ thể như thế nào. Cháu L cũng có mong muốn ở với chị. Vì vậy, chị đề nghị Toà cho chị được nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: chị không đề nghị Toà giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Minh T không có quan điểm ý kiến gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt; các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ và đều không có ý kiến thay đổi khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Đoàn Minh T. Về con chung: giao chị Vân A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Thị Khánh L – sinh ngày 19/7/2014; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Chị Vân A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Vân A có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa (nay là Toà án nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội) giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Minh T và giải quyết về con chung. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Đoàn Minh T có đăng ký nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện Ứ, thành phố Hà Nội (nay là thôn T, xã H, thành phố Hà Nội) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (nay là Toà án nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội) theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 14/7/2025 nhưng vắng mặt của anh T nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh T vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

Về chứng cứ: Toà đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp đối với đương sự vắng mặt. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp, Toà thu thập; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ; các đương sự không nộp tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Đoàn Minh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L (nay là xã H), thành phố Hà Nội ngày 12/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; hai vợ chồng sống ly thân 04 năm nay; chị Vân A có đơn ly hôn nhưng anh T lại không có quan điểm ý kiến gì; không tham gia phiên hoà giải tại Toà. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Vân A và anh T mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; nay chị Vân A có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: cuộc sống hôn nhân của chị Vân A và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt; đồng thời anh T không có ý kiến quan điểm gì nên xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vân A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Đoàn Minh T có 01 con chung cháu Đoàn Thị Khánh L – sinh ngày 19/7/2014.

Xét về điều kiện chăm sóc, môi trường sinh hoạt và nguyện vọng của cháu thì Hội đồng xét xử thấy: chị Vân A và anh T đều chưa có nhà riêng; hai anh chị là lao động tự do có thu nhập nên về chỗ ở, điều kiện kinh tế ngang nhau. Cháu L nhiều năm nay ở với chị Vân A và đang ở ổn định môi trường sinh hoạt và học tập; bản thân cháu L nguyện vọng xin ở với chị Vân A; đồng thời cháu L là con gái. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện sinh hoạt, môi trường, giới tính và nguyện vọng của con cũng như ý kiến đại diện địa phương: đề nghị Toà căn cứ thực tế và quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tâm sinh lý của trẻ nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao chị Vân Anh N cháu L là phù hợp, đảm bảo cho các cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nhất là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Vân A không đề nghị giải quyết tiền cấp dưỡng nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Đoàn Minh T không đề nghị Tòa giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp án phí ly hôn. Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Đoàn Minh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Đoàn Minh T có 01 con chung. Khi ly hôn, giao chị Vân A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Thị Khánh L – sinh ngày 19/7/2014; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Đoàn Minh T đều không đề nghị Toà giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0043097 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, TP . (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 – Hà Nội).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 12- Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 12 - Hà Nội;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng